

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Bình

2/ Bà Lê Hoàng Mỹ Dung

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh B , xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 50/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08/3/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Thúy N, sinh năm 1999. Địa chỉ: tổ 4, thôn Nam Hà, xã H, huyện Đ, tỉnh B .

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ 3, thôn Nam Hà, xã H, huyện Đ, tỉnh B .

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2021, các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị Thúy N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L tự nguyện

kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 28/8/2019. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm với nhau về vấn đề con cái, phát triển kinh tế gia đình. Anh L không có công việc ổn định, không muốn lao động và không quan tâm đến gia đình, vợ con mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Quá trình tham gia tố tụng, chị N xác nhận mâu thuẫn giữa chị và anh L đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 01/10/2020. Hiện con đang do chị N nuôi dưỡng. Do đó khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22/3/2021, chị N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Đ đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào hòa giải nhưng anh L không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, anh L khai thống nhất như lời khai của chị N về thời gian kết hôn, con chung và thời gian vợ chồng sống ly thân. Anh L cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N nên không mong muốn ly hôn. Nếu chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu phải ly hôn thì anh L có nguyện vọng được nuôi con, nhưng theo quy định của pháp luật thì con dưới 36 tháng tuổi, mẹ trực tiếp nuôi thì anh L đồng ý. Anh L cam kết sẽ cấp dưỡng nuôi con theo khả năng thu nhập.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Về nội dung thì căn cứ vào tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị N và anh L không còn hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân thời gian dài, hiện tại không còn quan tâm, thương yêu nhau. Do đó nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, đồng thời giao con cho chị N nuôi dưỡng là đúng pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đ đã xác định quan hệ tranh chấp “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con” là đúng quy định.

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng Án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Xét thấy chị N và anh L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Căn cứ lời khai của chị N, anh L và giấy khai sinh do UBND xã H cấp cho người được khai sinh có tên Nguyễn Hoàng Thiên Ân thì có cơ sở xác định, cháu Ân là con chung của chị N và anh L. Do đó căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Từ các tài L thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời khai của anh L tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định, hôn nhân giữa chị N và anh L đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay, hiện tại mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Quá trình tham gia tố tụng, chị N xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Từ đó có đủ căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh L đã thật sự trầm trọng, gây gắt, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ pháp luật.

Về con chung: Xét thấy cháu Thiên Ân chưa đủ 36 tháng tuổi, hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có công việc và thu nhập ổn định. Do đó căn cứ Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu thì cần giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định.

Về cấp dưỡng: Do chị N không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét trong bản án này. Nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Thúy N.

- Về hôn nhân: Tuyên bố Mai Thị Thúy N ly hôn Nguyễn Văn L.

- Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Thúy N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con: Nguyễn Hoàng Thiên Ân, sinh ngày 01/10/2020. Anh Nguyễn Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Mai Thị Thúy N phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005237 ngày 08/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về kháng cáo: Báo cho bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (12/5/2021); nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- UBND xã H;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

